

Name: .....  
 Date: .../.../ 20...  
 Class: S6  
 Tel: 034 200 9294



Ngữ pháp: .....  
 Đọc: .....  
 Nghe: .....  
 Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 6: UNIT 5 & 6

### GRAMMAR REVISION & PET INSTRUCTION

**Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

#### A. NEW LESSON

##### 1. GRAMMAR: Reported speech with changing the verbs (Câu trần thuật trường hợp cần lùi thì)

- Câu trần thuật trong tiếng Anh là một loại câu được sử dụng để thuật lại một sự việc hay lời nói của ai đó. Nói một cách dễ hiểu hơn, việc sử dụng câu trần thuật là ta đang chuyển câu trực tiếp sang gián tiếp.
- Trong câu trần thuật, sự việc, hành động không xảy ra tại thời điểm nói. Vì vậy, khi chuyển câu trực tiếp thành dạng trần thuật, động từ trong câu gốc cần lùi một thì về quá khứ so với thời điểm nói.

**Ex:** Mary said: "I **don't like** ice-cream."

→ Mary said (that) she **didn't like** ice-cream.

- Ngoài trừ lùi thì trong câu, ta cũng cần lưu ý đến việc biến đổi các thành phần khác trong câu để tạo thành một câu trần thuật hoàn chỉnh. Một số ví dụ như sau:

Các thành phần trong câu	Câu trực tiếp	Câu trần thuật
<b>Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)</b>	Can	Could
	May	Might
	Must	Must / Had to
<b>Đại từ</b>	Các chủ ngữ: "I, We, You" và các đại từ khác của 3 ngôi này thường cần được chuyển đổi, cần dựa vào câu trực tiếp để chọn đại từ phù hợp để chuyển đổi.	
<b>Trạng ngữ chỉ nơi chốn</b>	This / These	That / Those
	Here	There
<b>Trạng ngữ chỉ thời gian</b>	Now	Then / At the time
	Today	That day
	Yesterday	The day before / The previous day
	Tomorrow	The next day / The day after / The following day
	Ago	Before
	This day; week; month; year	That day; week; month; year
	Last day; week; month; year	The day; week; month; year before The previous day; week; month; year
	Next day; week; month; year	The next day; week; month; year The following day; week; month; year The day; week; month; year after

##### 2. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>terrace</b> (n)	sân thượng	4	<b>fair</b> (adj)	(giá cả) phải chăng
2	<b>atmosphere</b> (n)	bầu không khí	5	<b>department</b> (n)	khoa, ngành (của trường Đại học)
3	<b>organic</b> (adj)	hữu cơ	6	<b>model</b> (v)	làm mẫu

**\*Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ

**\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

## B. HOMEWORK

### I. Circle the correct answer.

0. He is very good \_\_\_\_\_ French.

A. at

B. in

C. of

1. Would you be \_\_\_\_\_ in playing golf tomorrow?

A. impressed

B. interested

C. good

2. Anthony \_\_\_\_\_ be an artist that can create beautiful paintings.

A. to

B. wants

C. could

3. By the age of 14, he was addicted \_\_\_\_\_ heroin (*ma túy*).

A. about

B. with

C. to

4. You have to be *tough* (*cứng rắn*) to be successful \_\_\_\_\_ politics.

A. from

B. at

C. in

5. I think they're going to be \_\_\_\_\_ of this *haunted* (*ma ám*) house.

A. scared

B. impressed

C. keen

### II. Fill in the blanks with the correct preposition.

0. "Please don't be angry with me." – she said.

1. He's proud \_\_\_\_\_ the brand he's created.

2. You'll be impressed \_\_\_\_\_ the brightness and the beauty of the colors.

3. I'm disappointed \_\_\_\_\_ your work; it has fallen below your usual standard.

4. I don't think I'll be any good \_\_\_\_\_ tennis, but I'll give it a try.

5. Are the children afraid \_\_\_\_\_ the dark?

### III. Complete the sentences using PRESENT PERFECT or PAST SIMPLE.

0. The first time I went (*go*) to New York, I saw a ballet.

1. You \_\_\_\_\_ (*be*) late for work too many times this year. If you're not careful, you'll be fired.

2. Where's Sonia? I \_\_\_\_\_ (*not see*) her lately.

3. Last night, I \_\_\_\_\_ (*watch*) TV, and then I \_\_\_\_\_ (*go*) to bed.

4. Yesterday morning, Pauline \_\_\_\_\_ (*get*) out of bed; after that, she \_\_\_\_\_ (*brush*) her teeth.

5. I \_\_\_\_\_ (*answer*) all of the questions correctly since I began this grammar exercise.

### IV. Circle the correct answer.

0. They built / *have built* this house last year.

1. Paul said: "I feel ill today."

→ Paul said that he **feels** / **was feeling** / **felt** ill that day.

2. Anna told me: "I will phone you when I get back."

→ Anna told me that **I** / **she** / **they** would phone me when she **gets** / **got** / **has got** back.

3. They said: "We want to buy a new car."

→ They said that they **wanted** / **want** / **had wanted** to buy a new car.

4. I told Alice: "My parents are fine."

→ I told Alice that **her** / **your** / **my** parents **are** / **was** / **were** fine.

5. Jake said: "I don't have any money."

→ Jake said he **doesn't** / **didn't** / **don't** have any money.

**V. Match to make meaningful sentences.**

<del>0.</del> <i>How many eggs</i>	<del>a.</del> <i>are in this cake?</i>
1. I know you're angry with me,	b. responsible for the <i>crash</i> (vụ va chạm).
2. The <i>poor</i> (xấu, tệ) weather was partly	c. there are a few who aren't.
3. My brother was bad	d. and you have every reason to be.
4. Lots of people at the club are under 20, but	e. spent a lot of money.
5. I went shopping and	f. at sports and disliked <i>athletic</i> (thuộc điền kinh) activities.

0- a	1-	2-	3-	4-	5-
------	----	----	----	----	----

**VI. Change the sentences below into REPORTED SPEECH.**

0. She said: "I want a blue jacket for my birthday."

→ She said \_\_\_\_\_ that she wanted a blue jacket for her birthday \_\_\_\_\_.

1. Tom said to his teammates: "We need to be careful, because the game won't be so easy."

→ Tom said to his teammates \_\_\_\_\_.

2. Jake told me: "The film is very interesting, so I think you will like it."

→ Jake told me \_\_\_\_\_.

3. The instructor told us: "You must practise tennis more to play better."

→ The instructor told us \_\_\_\_\_.

4. Anthony said: "I don't like coffee."

→ Anthony said \_\_\_\_\_.

5. The teacher told Mrs. Smith: "Your son is improving."

→ The teacher said to Mrs. Smith \_\_\_\_\_.



**Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

## Part 5

For each question, choose the correct answer.

# Fashion Show Success

Last Saturday, the fashion department at Mansion College held a fashion show.

The students created special designs **21** \_\_\_\_\_ were modelled by other students. Parents and shopkeepers were **22** \_\_\_\_\_ to the event and 200 tickets were sold.

**23** \_\_\_\_\_ of the designs were really original and the evening was a great success. The most popular items at the show were T-shirts designed by student Maria Daniella. A local clothes shop has already asked Maria to **24** \_\_\_\_\_ them with 20 T-shirts. Maria is very pleased by her success.

**25** \_\_\_\_\_ the fashion show finished late, many people stayed longer to listen to the college rock band. There was food and drink on sale and the event finally **26** \_\_\_\_\_ at midnight.

The money made from the sale of the tickets went to a well-known children's charity.

- |                     |             |            |             |
|---------------------|-------------|------------|-------------|
| <b>21</b> A when    | B which     | C who      | D whose     |
| <b>22</b> A called  | B requested | C demanded | D invited   |
| <b>23</b> A Many    | B Lot       | C Much     | D Each      |
| <b>24</b> A produce | B design    | C give     | D provide   |
| <b>25</b> A Even    | B So        | C Although | D But       |
| <b>26</b> A left    | B ended     | C done     | D completed |

## Part 2

For each question, choose the correct answer.

The people below all want to go to a restaurant or café.

On the opposite page there are some restaurant reviews.

Decide which restaurant or café would be the most suitable for the people below.

6



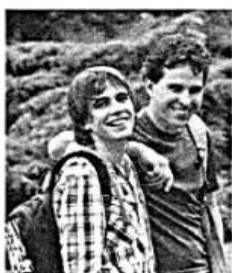
José has just started college. He needs a good café near campus where he can hang out with his friends. He'll be spending a lot of time in the library, so he wants a café with a nice terrace. It must be inexpensive and serve great sandwiches.

7



Kasia is 14. On Saturdays, she has to wait an hour for a train home after her violin lesson. She wants to spend that time in a quiet café close to the station where she can read her book while enjoying tea and delicious cake.

8



Karl and Omar are best friends. They're trying to find a new café that they can go to after school every day. They want a place with a good atmosphere. They both enjoy loud music! They also like cheap fast-food.

9



Fernando is a fan of healthy food. He doesn't eat meat, and doesn't mind paying a little more for organic fruit and vegetables. He wants to find an independent café near the beach. He doesn't like restaurant chains.

10



Linda and Amelia are cousins. They're looking for a great café where they can meet every Sunday for a chat. They love to eat sweet things! Linda and Amelia are both very stylish, so they want a place that's really cool.

## OUR TOP EIGHT CAFÉS

### A Luigi's

Open Monday to Friday, Luigi's is popular with people who work in the city because it's close to the train station. It can be noisy, but it's very friendly and the service is quick. Visit Luigi's if you want to try their homemade pies and excellent hot drinks.

### B Burger Basement

Although it's in a basement, this brilliant café is bright and exciting. Lights of many different colours hang from the ceiling, and everyone sings along with the pop and rock songs. It's not a quiet place, but it's fun. You won't believe the low cost of the chips and burgers!

### C Pancake Paradise

The latest café in town is Pancake Paradise, and everyone is talking about it. This is where all the fashionable people like to be seen, and to see each other. Enjoy the original art on the walls while you wait for your tasty pile of pancakes served with ice cream or honey.

### D Sunshine Café

This is a wonderful new café which, so far, is very popular with young people. It's just a short walk from the college and offers a wide choice of soups and sandwiches at very reasonable prices. The best thing about the Sunshine Café is its outdoor seating area. Here you can have some fun in the sun.

### E Green Dreams

Everything served in this busy seaside café is vegetarian and all natural. Try the carrot and spinach juice with one of the amazing salads. The prices are high, but definitely worth it. Green Dreams is owned and run by a local family who make everything fresh daily.

### F Quick & Cool

As the name suggests, this is where you should come if you want quick food in a cool place. Quick & Cool only opens at the weekends, but it fills up fast so get there early! Enjoy hip hop on the loud speakers and order some spicy chicken wings. You won't wait long at Quick & Cool!

### G Tilly's Tea-Shop

This is the perfect place to get away from the noise of the city. It's conveniently located between the museum and the railway station, and serves the best baked goods in town. They play gentle classical music there. You can choose from 20 types of tea and relax.


### H Healthy Henry's

There's a Healthy Henry's café in almost every town I know. Our one is located close to the park and it's always busy. Everything is made from the freshest ingredients available ... it's nice to enjoy food that you know is good for you. The prices are pretty fair, too.

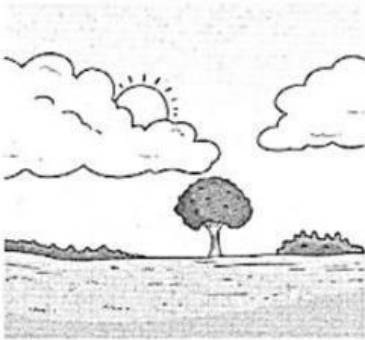


Con hãy làm bài nghe theo link sau:  
<https://youtu.be/L3wLkn3zG3g>

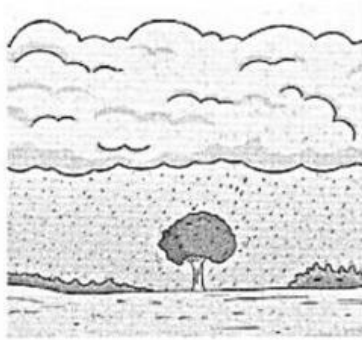
## Part 1

 11 For each question, choose the correct answer.

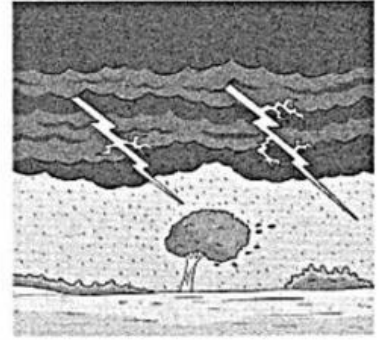
1 What is the weather forecast for tomorrow?



A



B



C

2 What does Paul look like?



A



B



C

3 What exercise does the girl do at the moment?



A

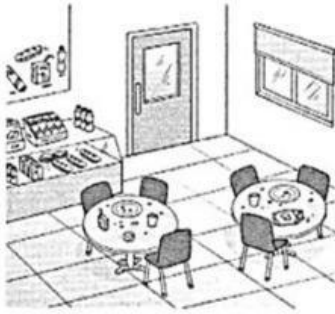


B

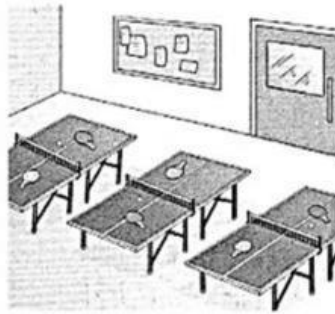


C

4 What can teenagers do at the new club?



A

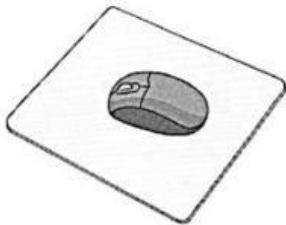


B



C

5 What equipment is missing?



A

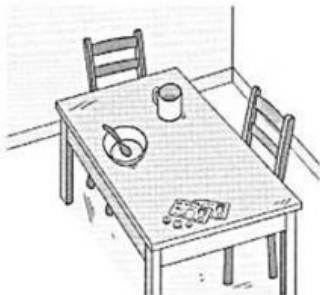


B



C

6 Where is the boy's money?



A



B



C

7 How did Susie contact her friend?



A



B



C



**I. Circle the correct answer.**

1. As soon as Martha saw the fire, she \_\_\_\_\_ the fire department.  
A. telephoned                      B. has telephoned                      C. was telephoning
2. It's very quiet. There are \_\_\_\_\_ people here today.  
A. any                      B. many                      C. no
3. Alicia dances \_\_\_\_\_ than Rebecca.  
A. gracefully                      B. more graceful                      C. more gracefully
4. The last time I \_\_\_\_\_ in Athens, the weather was hot and humid.  
A. have been                      B. was                      C. am
5. Susan looked down to discover a snake at her feet. When she saw it, she \_\_\_\_\_.  
A. is screaming                      B. screamed                      C. has screamed

**II. Rewrite the sentences, using REPORTED SPEECH.**

1. "I've been ill for a couple of weeks." – he says.

→ \_\_\_\_\_.

2. "I can't do it without your help." – Sam tells Mark.

→ \_\_\_\_\_.

3. "The Sun sets in the West." – the child said.

→ \_\_\_\_\_.

4. "The meeting may start early." – she tells me.

→ \_\_\_\_\_.

**Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.